| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| QĐ số: 116 /2017/QĐST-VHNGĐ | Long Thành, ngày 04 tháng 8 năm 2017 |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 484/2017/TLST-VHNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 của:

*** Người yêu cầu:** Anh Trần Văn C, sinh năm 1992.

HKTT: Đội A, thôn MX, xã VC, huyện YM, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: khu B, ấp C, xã AP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

Chị Lưu Thị Lợi, sinh năm 1991.

HKTT: Thôn HHN, xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định.

Chỗ ở hiện nay: số M, tổ N, ấp LĐ, xã TP, TP BH, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28/7/2017.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28/7/2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn C và chị Lưu Thị L.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C và chị Lưu Thị L thuận tình ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Hải Đ, sinh ngày 12/8/2012; Trần Thị Hải H, sinh ngày 26/9/2014.

Giao cả 02 cháu Đ và H cho chị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Về lệ phí giải quyết việc HNGĐ: Anh C, chị L phải nộp 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 006599 ngày 10/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKS ND H. Long Thành;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đình Trung**